

Bản án số: 778/2020/HNGĐ-ST
Ngày 27 - 8 - 2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Huy Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Thành

2. Ông Dương Hiệp Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Trần Thị Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn.

- Đại diện VKSND Tp. Quy Nhơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phúc
- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn - tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 259/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2020 về “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/7/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Huỳnh Văn T - sinh năm 1987

Địa chỉ: Khố phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh QN

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Quỳnh N - sinh năm 1990

Địa chỉ: 137 đường H, thành phố QN, tỉnh BD.

(Chị N vắng mặt, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Huỳnh văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Tuy nhiên, theo đơn khởi kiện đề ngày 18/3/2020 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn trình bày:***

Anh và chị Nguyễn Quỳnh N tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình cho phép cưới hỏi và chung sống với nhau từ ngày 10/8/2016. Nhưng đến ngày 17/02/2017 mới đăng ký kết hôn tại UBND phường NB, thành phố QN. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian ngắn. Đầu năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, chị N đối xử không tốt với gia đình anh. Do vậy, tình cảm giữa anh chị ngày càng nhạt dần. Anh công nhận

trong thời gian làm xa nhà, anh có quan hệ tình cảm với một người phụ nữ khác nhưng sau khi chị N phát hiện anh đã cắt đứt quan hệ. Tuy nhiên đây cũng là cái cớ để chị N xúc phạm anh và mẹ anh, chị đã gọi điện cho bạn anh và các anh chị em đồng nghiệp để nói xấu về anh. Vì con anh đã nhiều lần muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thể. Nay anh nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, hơn nữa vợ chồng đã ly thân từ tháng 9/2017 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, anh yêu cầu Tòa giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Huỳnh Anh K, sinh ngày 03/8/2017; Hiện nay cháu K đang sống với chị N, sức khỏe tốt. Nếu ly hôn anh tự nguyện giao cháu K cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, trong thời gian sống ly thân anh đã cấp dưỡng mỗi tháng từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, tuy nhiên hiện nay vì dịch bệnh Covid - 19 anh chưa có việc làm ổn định nên anh tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đ.

Về tài sản chung: Anh và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết. Anh chị không nợ chung ai, không ai nợ chung anh chị.

*** Bị đơn chị Nguyễn Quỳnh N:**

Tại phiên tòa hôm nay, chị N vắng mặt. Tuy nhiên, theo bản khai ngày 14/5/2020 và các lời khai tiếp theo, chị N thống nhất về thời gian và điều kiện kết hôn như anh T đã trình bày. Theo chị sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong thời gian chị sinh con, anh T quan hệ bất chính và sống chung như vợ chồng với người phụ nữ khác. Sau khi phát hiện sự việc trên chị đã nhiều lần nhắc nhở, nhưng anh T không nghe còn liên tục kiếm chuyện và đánh chị. Mặc dù hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2017 đến nay. Tuy nhiên, anh T có đơn xin ly hôn chị không đồng ý, vì hiện nay cháu K còn nhỏ.

Về con chung: Chị thống nhất anh chị có 01 con chung là cháu Huỳnh Anh K, sinh ngày 03/8/2017. Hiện nay cháu K đang sống với chị, sức khỏe tốt. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000đ.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự (BLTTDS) kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, Điều 72 BLTTDS. Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014: Chấp nhận yêu cầu của anh Huỳnh Văn T về việc xin ly hôn chị Nguyễn Quỳnh N; giao cháu K cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng; án phí đương sự chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Anh Huỳnh Văn T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, vì vậy HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án (khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS).

Ngày 26/8/2020, chị Nguyễn Quỳnh N có đơn xin phép không thể tham gia phiên tòa lần thứ hai vì cháu Huỳnh Anh K bị bệnh đang điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định. Tuy nhiên, theo xác nhận của Bệnh viện từ ngày 01/01/2020 đến ngày 27/8/2020 cháu K không đến khám và điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh BD. Như vậy, chị N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án (điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS).

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào nội dung tranh chấp của các đương sự, HĐXX xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” (khoản 1 Điều 28 BLTTDS), thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn (điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS).

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Huỳnh Văn T và chị Nguyễn Quỳnh N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố QN vào ngày 17/02/2017, đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa anh T và chị N đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng đã vi phạm nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, cùng nhau chia sẻ, giúp đỡ nhau vượt qua những khó khăn trong cuộc sống, dẫn đến anh chị không tạo dựng được hạnh phúc gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N cũng công nhận anh chị đã sống ly thân từ tháng 7/2017 cho đến nay, chị không còn yêu thương anh T. HĐXX xét: Hôn nhân của anh T, chị N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của anh T là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[2.2] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Huỳnh Anh K, sinh ngày 03/8/2017. Chị N có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. HĐXX xét: hiện nay cháu K đang sống với chị N và được đảm bảo tốt về mọi mặt. Tại bản khai ngày 23/4/2020, anh T cũng tự nguyện giao cháu K cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận nguyện vọng của chị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu K. Tuy nhiên, chị N yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng là quá cao so với nhu cầu thiết yếu của cháu K, vì vậy HĐXX xem xét chấp nhận sự tự nguyện của anh T cấp dưỡng nuôi cháu K mỗi tháng 2.000.000 đồng là phù hợp.

[2.3] Về chia tài sản: Anh T và chị N không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết. Sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác nếu có yêu cầu.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Anh T phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ sơ thẩm và 300.000đ án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 BLTTDS;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Huỳnh Văn T ly hôn chị Nguyễn Quỳnh N.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung cháu Huỳnh Anh K, sinh ngày 03/8/2017 cho chị Nguyễn Quỳnh N được trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Anh Huỳnh Văn T phải đóng góp nuôi con với chị Nguyễn Quỳnh N số tiền 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng một tháng) cho đến khi cháu Huỳnh Anh K thành niên (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Anh T, chị N không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Anh Huỳnh Văn T phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ sơ thẩm và 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 600.000 đồng. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp 300.000đ theo biên lai số 0007763 ngày 23/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Quy Nhơn, anh T còn phải nộp 300.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. QN;
- UBND P. Nhơn Bình, TP. QN
(ĐKKH số 19 ngày 17/02/2017);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Huy Huệ

